TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẮC BÌNH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-02-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Xích Thị Bích Nhi
2. Ông Bá Đình Tâm.

***- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa*:** Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Toà án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về hôn nhân gia đình thụ lý số 359/2023/HNGĐ-ST ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2024/QĐ-HNGĐ ngày 05/02/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

- *Bị đơn:* Ông Trần Ngọc T, sinh năm 1970 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T sau thời gian tìm hiểu được sự

đồng ý của gia đình hai bên nên đã tổ chức lễ cưới vào năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu bà H, ông T chung sống hạnh phúc nhưng từ năm 2010 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, vợ chồng có sự bất đồng về quan điểm lối sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, ông T có quan hệ với người phụ nữ khác nên làm cho mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng, từ đó vợ chồng không còn có sự chia sẻ, chăm sóc đến cuộc sống của nhau. Từ năm 2014 cho đến nay thì bà H, ông T mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay bà H xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T có ba con chung là Trần Hiếu N, sinh ngày 20/6/1994, Trần Tiến P, sinh ngày 08/8/1997, Trần Thị Hiếu C, sinh ngày 17/11/2002. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Trần Ngọc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn không có mặt, nên Tòa án không ghi lời khai và tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tuân theo đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử. Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành tốt nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ tại hồ sơ thể hiện bà H và ông T chung sống với nhau từ năm 1993 nhưng không đăng ký kết hôn, do bất đồng quan điểm lối sống, ông T không có trách nhiệm với gia đình và có quan hệ với người phụ nữa khác nên bà H và ông T thường xuyên xảy ra cãi vã, dù đã tự hòa giải với nhau nhưng mâu thuẫn không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng, nên từ năm 2014 cho đến nay bà H, ông T mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ

luật Tố tụng dân sự; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T. Trong thời gian chung sống bà H, ông T có ba con chung là Trần Hiếu N, sinh ngày 20/6/1994, Trần Tiến P, sinh ngày 08/8/1997, Trần Thị Hiếu C, sinh ngày 17/11/2002. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không đề nghị xem xét giải quyết. Tài sản chung, nợ chung đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết. Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp: Bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Ngọc T nên quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp về ly hôn*" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Ông Trần Ngọc T với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Về sự vắng mặt của bị đơn ông Trần Ngọc T: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vẫn vắng mặt không lý do căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Trần Ngọc T.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Theo bà H trình bày thì bà và ông Trần Ngọc T chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1993 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thời gian đầu bà H, ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T không có trách nhiệm với gia đình, có quan hệ với người phụ nữ khác nên làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, vợ chồng không có sự cảm thông chia sẻ cho nhau nên thường xuyên xảy ra cãi dẫn đến mâu thuẫn không thể hàn gắn. Do bà và ông T không đăng ký kết hôn nên bà yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông Trần Ngọc T. Xét thấy,

theo Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình và điểm b khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội quy định: *"Nam và nữ chung sống với nhau như vợ chồng từ ngày 03 tháng 01 năm 1987 đến ngày 01 tháng 01 năm 2001, mà có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn,...Từ sau ngày 01 tháng 01 năm 2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng".* Bà H và ông T có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên về hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật thừa nhận, không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ nên Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T là vợ chồng.

Về con chung: Bà H và ông T có ba con chung là Trần Hiếu N, sinh ngày 20/6/1994, Trần Tiến P, sinh ngày 08/8/1997, Trần Thị Hiếu C, sinh ngày 17/11/2002. Hiện nay các con chung đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Về nợ: Bà Nguyễn Thị H xác định không có nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

[3]. Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 6 và Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 16, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Ngọc T có 03 con chung là Trần Hiếu N, sinh ngày 20/6/1994, Trần Tiến P, sinh ngày 08/8/1997, Trần Thị Hiếu C, sinh ngày 17/11/2002. Các con chung hiện đã trưởng thành và có khả năng lao động nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị H khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc giải quyết ly hôn là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001395 ngày 23/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình. Bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Ngọc T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (23/02/2024). Quyền kháng cáo của ông Trần Ngọc T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện Bắc Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình;
- UBND xã Sông Lũy, huyện Bắc Bình;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Ngọc